TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12-4-2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lâm
Bà Đỗ Thị Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1987 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Phước T, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Võ Chí T, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2018 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Chị Kim A và anh T sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 05/9/2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, nguyên nhân là do anh T hay ghen tuông vô cớ và sử dụng ma túy về đập phá đồ đạc trong gia đình, chửi bới, đe dọa tính mạng vợ con. Tháng 4/2018 chị A đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn, đến tháng 11/2018 thì rút đơn nhằm tạo điều kiện và cơ hội cho vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên sau khi rút đơn thì anh T về thành phố chạy xe, cuối tuần có về thăm cha mẹ nhưng không hề thăm hỏi đến chị A. Nay cảm thấy không thể tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân này nên chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị A và anh T có một con chung là Võ Thụy Thanh V - sinh ngày 12/6/2009. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, con chung vẫn do chị A trực

tiếp nuôi dưỡng và đảm bảo tốt quyền lợi cho con chung nên khi ly hôn, chị A xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu V cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Võ Chí T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên không có ý kiến của anh T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.
- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn chị A được ly hôn với anh T và giao con chung cho chị A trực triếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con có bị đơn trú tại địa phận thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long quy định khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Kim A và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 05/9/2008, do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn cũng như tài liệu do Tòa án thu thập là biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi đương sự cư trú trong thời gian sống chung thì xét thấy trong quá trình chung sống giữa chị A và anh T có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cãi vã, từ đó vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; chị A đã cho vợ chồng cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng anh T vẫn không có động thái nào nhằm khắc phục tình trạng hôn nhân trên, do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Kim A.

[3] Về con chung: Chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung vì trong quá trình ly thân chị vẫn đảm bảo tốt các quyền và lợi ích hợp pháp cho con chung, đồng thời tính chất công việc hiện nay của anh T thường xuyên vắng nhà nên không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cho con. Xét đề nghị trên của chị A phù hợp với thực tế hiện nay, không trái quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu V nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị A. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Kim A ly hôn với anh Võ Chí T.

2. Về con chung:

Giao cháu Võ Thụy Thanh V - sinh ngày 12/6/2009 cho chị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Kim A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006xxx ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 12/4/2019; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
-UBND xã T (Số 86, quyển 01, ngày 05/9/2008);
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt